

Khai thác giá trị văn hóa nghệ thuật âm nhạc Khmer Nam Bộ trong phát triển sản phẩm du lịch biểu diễn tại Đồng bằng sông Cửu Long

Đỗ Thị Hương

Khoa Du lịch, Trường đại học Nguyễn Tất Thành

Email: huongdt@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ là thành tố quan trọng trong bản sắc văn hóa người Khmer Nam Bộ và là nguồn lực quý giá để phát triển du lịch biểu diễn tại Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu này đánh giá tiềm năng và thực trạng khai thác âm nhạc của người Khmer Nam Bộ thông qua các mô hình như lễ hội Oóc Om Bóc, tour chùa kết hợp nghe Dù kê, và hoạt động của các đoàn nghệ thuật. Kết quả cho thấy âm nhạc góp phần quảng bá văn hóa, thu hút du khách và tạo sinh kế cho cộng đồng, song vẫn đối mặt với nhiều thách thức như thiếu hạ tầng, truyền thông hạn chế, và nguy cơ mai một do thiếu người kế thừa. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp như bảo tồn di sản, phát triển sản phẩm biểu diễn đặc thù, gắn với sinh kế cộng đồng, đẩy mạnh truyền thông và hoàn thiện chính sách hỗ trợ. Những định hướng này giúp bảo vệ âm nhạc độc đáo của đồng bào Khmer Việt Nam, đồng thời thúc đẩy du lịch văn hóa bền vững và gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa trong thời kỳ hội nhập.

Nhận 30/05/2025

Được duyệt 07/08/2025

Công bố 30/09/2025

Từ khóa

Âm nhạc người Khmer Việt Nam, du lịch biểu diễn, di sản văn hóa phi vật thể, đồng bằng sông Cửu Long, bảo tồn văn hóa

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch, việc khai thác các giá trị văn hóa truyền thống không chỉ góp phần thúc đẩy kinh tế mà còn là phương thức hiệu quả để bảo tồn và lan tỏa bản sắc dân tộc. Tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), vùng đất nổi bật với sự đa dạng văn hóa, âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ nổi lên như một di sản văn hóa phi vật thể độc đáo, mang tiềm năng lớn trong việc phát triển các sản phẩm du lịch biểu diễn. Với thang âm ngũ cung đặc trưng, dàn nhạc Pinpeat và các loại hình nghệ thuật như sân khấu Dù kê hay múa Rô băm, âm nhạc KNB không chỉ phản ánh đời sống tinh thần phong phú của cộng đồng KNB mà còn thu hút sự chú ý của du khách trong và ngoài nước (7).

Tuy nhiên, việc khai thác âm nhạc KNB trong du lịch biểu diễn tại ĐBSCL vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, từ sự thiếu hụt hạ tầng, chiến lược truyền thông hạn chế, đến nguy cơ mai một do thiếu người kế thừa (5). Trong khi đó, nhu cầu về các sản phẩm du lịch trải nghiệm văn hóa ngày càng gia tăng, đòi hỏi những cách tiếp cận mới để vừa bảo tồn di sản, vừa đáp ứng thị hiếu của du khách hiện đại. Nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò kép của âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ: vừa là một di sản văn hóa cần được bảo tồn, lưu truyền, vừa là nguồn lực kinh tế, văn hóa để phát triển du lịch biểu diễn bền vững tại khu vực ĐBSCL. Nghiên cứu này sẽ

phân tích cách các mô hình khai thác âm nhạc KNB đóng góp vào mục tiêu kép này, đồng thời đề xuất giải pháp để khắc phục các thách thức hiện tại.

2. Đôi nét về giá trị văn hóa nghệ thuật âm nhạc Khmer Nam Bộ

2.1. Khái quát về cộng đồng Khmer Nam Bộ

2.1.1 Phân bố dân cư, đời sống văn hoá, tín ngưỡng

Cộng đồng người Khmer Nam Bộ là một trong những dân tộc thiểu số đông đảo tại Việt Nam, có dân số khoảng 1.319.652 người, chiếm khoảng 1,37% tổng dân số cả nước (13), sinh sống chủ yếu ở khu vực ĐBSCL, đặc biệt tập trung tại các tỉnh như Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, và Bạc Liêu. Theo (9), vùng Bảy Núi – Tịnh Biên (An Giang) và các khu vực lân cận là nơi có mật độ dân cư Khmer cao, với các phum sóc (làng Khmer) mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống. Đời sống văn hóa của người Khmer Nam Bộ được định hình bởi sự giao thoa giữa các yếu tố nông nghiệp, tín ngưỡng Phật giáo Nam tông, và các phong tục tập quán độc đáo. Các lễ hội truyền thống như Chôl Chnăm Thmây (Tết cổ truyền), Oóc Om Bóc (lễ cúng trăng), và Pith-Sên Đonta không chỉ là dịp để cộng đồng gắn kết mà còn là không gian để trình diễn các loại hình nghệ thuật đặc sắc, trong đó âm nhạc đóng vai trò trung tâm.

Tín ngưỡng Phật giáo Nam tông là một phần không thể tách rời trong đời sống của người Khmer Nam Bộ. Các ngôi chùa Khmer, với kiến trúc độc đáo và vai trò như

trung tâm văn hóa cộng đồng, là nơi tổ chức các lễ nghi tôn giáo, lễ hội, và các hoạt động văn hóa. Theo (10), chùa Khmer không chỉ là nơi thực hành tín ngưỡng mà còn là không gian lưu giữ và truyền dạy các giá trị văn hóa, bao gồm âm nhạc truyền thống. Các hoạt động văn hóa tại chùa, từ lễ thức tâm linh đến biểu diễn nghệ thuật, đều phản ánh sự gắn bó sâu sắc của người KNB với di sản văn hóa và tinh thần của mình.

2.1.2 Vai trò của âm nhạc trong đời sống cộng đồng Khmer Nam Bộ

Âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ không chỉ là nghệ thuật mà còn truyền tải bản sắc văn hóa, tín ngưỡng, và giá trị cộng đồng. Theo (7), âm nhạc KNB là “linh hồn” đời sống tinh thần, hiện diện trong nghi lễ tôn giáo, lễ hội, và sự kiện cộng đồng. Nó mang tính giáo dục, kể chuyện lịch sử, thần thoại, và đạo đức, củng cố đoàn kết cộng đồng. Các loại hình như nhạc Ngũ âm, nhạc lễ, và dàn Pinpeat (với trống Roneat, đàn T'rô, kèn Sralai, chiêng Kong) được dùng trong sân khấu Dù kê, múa Rô băm, và nghi lễ chùa (2). Thang âm Ngũ âm tạo âm hưởng huyền bí, định hình bản sắc KNB (6). Trong lễ hội như Oóc Om Bóc, Chôl Chnăm Thmây, âm nhạc tạo không khí linh thiêng, thể hiện lòng tôn kính tổ tiên và truyền thống. (1) nhấn mạnh âm nhạc là cầu nối thế hệ, nhưng (5) cảnh báo sự mai một do thiếu nghệ nhân và sự quan tâm của giới trẻ, đòi hỏi chiến lược bảo tồn sáng tạo. Âm nhạc KNB là tài sản quý, tiềm năng cho du lịch biểu diễn nghệ thuật, giúp quảng bá văn hóa và bảo tồn di sản trong bối cảnh hội nhập.

2.2. Đặc điểm nổi bật của âm nhạc truyền thống Khmer Nam bộ

Âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ là một thành tố văn hóa độc đáo, không chỉ phản ánh bản sắc dân tộc mà còn mang tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch biểu diễn tại ĐBSCL. Với thang âm ngũ cung đặc trưng, hệ thống nhạc cụ phong phú, và các thể loại đa dạng, âm nhạc KNB tạo nên dấu ấn riêng biệt, vừa huyền bí vừa gần gũi, góp phần định hình bản sắc văn hóa KNB trong bối cảnh hiện đại hóa

2.2.1 Thang âm ngũ cung và hệ thống nhạc cụ độc đáo

Thang âm ngũ cung là đặc trưng cốt lõi của âm nhạc Khmer Nam Bộ, tạo nên âm hưởng sâu lắng, khác biệt so với thang âm thất cung phổ biến trong âm nhạc Việt Nam hoặc các nền âm nhạc Đông Nam Á khác như Thái Lan hay Lào. Theo (7), thang âm ngũ cung, với năm nốt nhạc cơ bản, mang lại cảm giác huyền bí, linh thiêng, đồng thời linh hoạt trong việc thể hiện cả không khí trang nghiêm của nghi lễ và sự rộn ràng của lễ hội. Sự khác biệt này không chỉ làm nổi bật bản sắc KNB mà

còn thu hút sự chú ý của du khách quốc tế, vốn tìm kiếm những trải nghiệm âm nhạc độc đáo. Trong các buổi biểu diễn tại lễ hội Oóc Om Bóc ở Sóc Trăng, thang âm ngũ cung được thể hiện qua dàn nhạc Pinpeat, tạo nên sức hút đặc biệt với khán giả trong và ngoài nước (4).

Hệ thống nhạc cụ truyền thống KNB là một yếu tố quan trọng, góp phần định hình âm sắc và cảm xúc của các buổi biểu diễn. Dàn nhạc Pinpeat, với các nhạc cụ tiêu biểu như Roneat (đàn gõ làm từ tre hoặc gỗ), Skor (trống), T'rô (đàn dây), kèn Sralai, và chiêng Kong, tạo nên sự hòa quyện phong phú giữa giai điệu, nhịp điệu, và âm sắc. Theo (2) Roneat đảm nhận vai trò dẫn dắt giai điệu chính, Skor giữ nhịp điệu nền, trong khi Sralai mang lại âm thanh cao vút, giàu biểu cảm, đặc biệt phù hợp với các nghi lễ tôn giáo và sân khấu Dù kê. Sự kết hợp hài hòa này không chỉ phục vụ mục đích nghệ thuật mà còn tạo nên một không gian văn hóa sống động, lý tưởng cho các sản phẩm du lịch biểu diễn. So với các dàn nhạc truyền thống khác ở Việt Nam, như dàn nhạc cung đình Huế, dàn nhạc Pinpeat của KNB có sự mộc mạc nhưng đầy sức sống, dễ dàng tiếp cận khán giả đại chúng (6).

2.2.2 Các thể loại âm nhạc đa dạng

Âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ bao gồm nhiều thể loại, mỗi loại mang ý nghĩa và chức năng riêng, phục vụ đời sống tinh thần, tín ngưỡng, và giải trí của cộng đồng. Nhạc lễ, thường được trình diễn trong các sự kiện như lễ cưới, lễ cúng trăng Oóc Om Bóc, hay các nghi lễ chùa Nam tông, sử dụng các nhạc cụ như T'rô, Skor, và chiêng, tạo nên giai điệu vui tươi, rộn ràng, thể hiện sự gắn kết cộng đồng (1). Thể loại này đặc biệt phù hợp để tích hợp vào các sản phẩm du lịch biểu diễn, như các chương trình “Đêm Khmer” tại Sóc Trăng, nơi du khách có thể trải nghiệm không khí lễ hội chân thực.

Hát Dù kê, một loại hình nghệ thuật tổng hợp kết hợp âm nhạc, ca hát, và diễn xuất, là biểu tượng của sân khấu KNB. Với sự hỗ trợ của dàn nhạc Pinpeat, âm nhạc trong Dù kê không chỉ làm nền cho diễn xuất mà còn truyền tải các câu chuyện thần thoại, lịch sử, và bài học đạo đức, mang âm hưởng sâu sắc và trang nghiêm (11). Loại hình này có tiềm năng lớn trong du lịch, đặc biệt khi được tổ chức tại các không gian văn hóa như chùa KNB, nơi du khách có thể kết hợp tham quan và thưởng thức nghệ thuật.

Múa Rô băm và Lâm thon là hai thể loại kết hợp âm nhạc và vũ đạo, mang tính nghi thức và giải trí. Rô băm, thường xuất hiện trong lễ cúng tế hoặc Oóc Om Bóc, có giai điệu chậm, uyển chuyển, thể hiện lòng tôn kính thần linh và thiên nhiên, phù hợp với các tour du lịch tâm linh. Trong khi đó, Lâm thon là điệu múa dân gian sôi

động, phổ biến trong các dịp lễ cưới và Tết Chnănm Thmây, sử dụng trống và chiêng để tạo nhịp điệu vui tươi, dễ dàng thu hút du khách trẻ (6). Ngoài ra, nhạc Sariké, được sử dụng trong các nghi lễ chùa Nam tông, mang tính trang nghiêm, thanh tịnh, góp phần tạo không khí linh thiêng, gắn kết cộng đồng với giá trị tâm linh (1).

2.2.3 Tính thích nghi trong bối cảnh hiện đại

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự lấn át của các hình thức giải trí hiện đại như K-pop hay nhạc trẻ, âm nhạc Khmer Nam Bộ đối mặt với nguy cơ mai một, đặc biệt khi thế hệ trẻ ít quan tâm đến việc học và thực hành các loại hình truyền thống (5). Tuy nhiên, tính linh hoạt của âm nhạc KNB, với khả năng kết hợp yếu tố hiện đại, mở ra cơ hội để thích nghi và thu hút khán giả mới như kết hợp thang âm ngũ cung với các yếu tố đương đại (như nhạc điện tử - EDM) hoặc sử dụng công nghệ thực tế ảo (VR) để tạo trải nghiệm biểu diễn tương tác cho du khách. Một số đoàn nghệ thuật tại Bạc Liêu đã thử nghiệm kết hợp nhạc Ngũ âm với các phong cách hiện đại trong các buổi biểu diễn phục vụ du lịch, tạo sự mới mẻ mà vẫn giữ được bản sắc (1). Việc tích hợp thang âm ngũ cung vào EDM có thể được thực hiện bằng cách sử dụng phần mềm sản xuất âm nhạc như Ableton Live, tạo ra các bản phối mới để thu hút khán giả trẻ, như cách gamelan Bali đã kết hợp với nhạc điện tử tại các festival quốc tế. Xu hướng này có thể là một hướng đi đầy tiềm năng để làm mới âm nhạc KNB.

So với gamelan Indonesia, với thang âm Slendro và Pelog phức tạp, âm nhạc KNB nổi bật với thang âm ngũ cung mộc mạc, dễ tiếp cận, phù hợp cho du lịch trải nghiệm cộng đồng. Trong khi đó, nhạc cung đình Thái Lan (Piphat) mang tính trang nghiêm, phục vụ nghi lễ hoàng gia, ít tương tác với khán giả đại chúng, khiến âm nhạc KNB có lợi thế về sự gần gũi và tính cộng đồng. Sự đa dạng của các thể loại âm nhạc KNB, từ nhạc lễ đến Dù kê, Rô băm, và Lâm thon, cùng với thang âm ngũ cung và dân nhạc Pinpeat, không chỉ khẳng định giá trị văn hóa mà còn là nền tảng để xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm văn hóa sâu sắc của du khách. Việc khai thác những đặc điểm này, với sự tham gia của cộng đồng KNB, sẽ góp phần bảo tồn di sản và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững tại ĐBSCL.

3. Thực trạng khai thác giá trị văn hoá âm nhạc KNB trong phát triển du lịch biểu diễn tại ĐBSCL

3.1. Một số mô hình tiêu biểu

Việc khai thác giá trị âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ trong phát triển du lịch biểu diễn tại ĐBSCL đã hình thành một số mô hình nổi bật, góp phần quảng bá văn

hóa KNB, thu hút du khách và tạo sinh kế cho cộng đồng. Các mô hình này tập trung vào việc kết hợp âm nhạc với lễ hội truyền thống, các hành trình du lịch văn hóa, và hoạt động của các đoàn nghệ thuật địa phương, thể hiện sự gắn kết giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững. Các mô hình này không chỉ quảng bá văn hóa Khmer mà còn tạo cơ hội sinh kế, nhưng cần được tổ chức bài bản hơn để đảm bảo tính bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu bảo tồn và phát triển du lịch

3.1.1 Lễ hội Oóc Om Bóc, Chnănm Thmây có kết hợp biểu diễn nghệ thuật

Các lễ hội truyền thống như Oóc Om Bóc và Chnănm Thmây là những sự kiện văn hóa tiêu biểu, được tổ chức thường niên tại các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh và An Giang. Những lễ hội này không chỉ mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc mà còn là cơ hội để trình diễn âm nhạc KNB, bao gồm nhạc Ngũ âm, múa Rô băm và Lâm thon. Tại Sóc Trăng, lễ hội Oóc Om Bóc năm 2024 đã tổ chức chương trình biểu diễn nhạc Ngũ âm quy mô lớn với sự tham gia của 20 dàn nhạc và 200 nghệ nhân, được công nhận là sự kiện có quy mô lớn nhất Việt Nam bởi Tổ chức Kỷ lục Việt Nam (4). Các hoạt động như đua ghe Ngo kết hợp với âm nhạc truyền thống đã thu hút hàng chục ngàn du khách, khẳng định lễ hội như một sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng. Tương tự, lễ hội Chnănm Thmây tại An Giang, trong khuôn khổ Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào dân tộc KNB năm 2025, đã mang đến các tiết mục sân khấu Dù kê và múa Romvong, tạo nên không gian trải nghiệm văn hóa sống động. Những sự kiện này không chỉ giới thiệu âm nhạc Khmer mà còn nâng cao nhận thức của du khách về giá trị di sản văn hóa, góp phần gìn giữ bản sắc dân tộc trong bối cảnh hội nhập

3.1.2 Một số tour du lịch kết hợp tham quan chùa Khmer Nam Bộ, nghe hát Dù kê

Các tour du lịch văn hóa kết hợp tham quan chùa KNB và thưởng thức âm nhạc truyền thống, đặc biệt là sân khấu Dù kê, đã trở thành một mô hình du lịch độc đáo tại ĐBSCL. Ở Sóc Trăng, các tour đến chùa Mahatup (chùa Dơi), Sro Lôn (chùa Chén Kiểu) và Bôtum Vong Sa Som Rong (chùa Som Rong) được thiết kế để du khách không chỉ chiêm ngưỡng kiến trúc KNB mà còn trải nghiệm các buổi biểu diễn nhạc Ngũ âm và hát Dù kê. Theo Phạm Văn Đầu, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng, những tour này đã thu hút du khách nhờ sự kết hợp giữa không gian tâm linh và nghệ thuật biểu diễn, mang lại trải nghiệm văn hóa sâu sắc (12). Tại Trà Vinh, các hành trình đến chùa Âng và các phum sóc lân cận thường bao gồm các tiết mục nhạc lễ và sân khấu Dù kê, giúp du khách cảm nhận

rõ nét bản sắc KNB. Tuy nhiên, các tour này vẫn còn hạn chế về tính chuyên nghiệp, với cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu tổ chức biểu diễn quy mô lớn, như thiếu sân khấu đạt chuẩn hay hệ thống âm thanh hiện đại (6). Dù vậy, mô hình này đã tạo ra cơ hội sinh kế cho nghệ nhân và cộng đồng địa phương, đồng thời góp phần bảo vệ di sản âm nhạc KNB thông qua du lịch.

3.1.3 Vai trò của các đoàn nghệ thuật Khmer Nam Bộ tại địa phương

Các đoàn nghệ thuật KNB tại ĐBSCL đóng vai trò quan trọng trong việc phát huy và lan tỏa âm nhạc truyền thống thông qua các buổi biểu diễn phục vụ du lịch. Tại Sóc Trăng, Đoàn Nghệ thuật KNB tỉnh cùng các đoàn quần chúng như Ron Ron (huyện Châu Thành) và Tân Nguyệt Quang (huyện Trần Đề) thường xuyên trình diễn nhạc Ngũ âm, hát Dù kê và múa dân gian tại các lễ hội và điểm du lịch. Những đoàn này không chỉ biểu diễn mà còn tham gia truyền dạy âm nhạc cho thế hệ trẻ thông qua các lớp học tại chùa KNB, thu hút học viên từ 8 đến 20 tuổi (10). Ở Bạc Liêu, Đoàn Nghệ thuật tổng hợp KNB tỉnh đã thử nghiệm kết hợp yếu tố hiện đại vào các tiết mục truyền thống để thu hút khán giả trẻ, nhưng vẫn đối mặt với khó khăn về thiếu hụt nghệ nhân và nguồn lực đầu tư (1). Tại Cà Mau, Câu lạc bộ Nhạc trống lớn ở xã Hồ Thị Kỷ duy trì các buổi biểu diễn định kỳ trong các dịp lễ hội, nhưng quy mô còn nhỏ do hạn chế về tài chính. Những nỗ lực này không chỉ giúp quảng bá âm nhạc KNB mà còn tạo cầu nối giữa gìn giữ văn hóa và phát triển du lịch, khẳng định vai trò của cộng đồng KNB trong việc gìn giữ di sản và thúc đẩy kinh tế địa phương.

3.2 Những kết quả đạt được

Việc khai thác giá trị âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ trong phát triển du lịch biểu diễn tại ĐBSCL đã mang lại những thành tựu đáng kể, góp phần khẳng định vai trò của âm nhạc KNB như một cầu nối giữa bảo tồn di sản văn hóa và thúc đẩy du lịch bền vững. Những kết quả này không chỉ tạo ra giá trị kinh tế mà còn nâng cao nhận thức cộng đồng về bản sắc văn hóa KNB

3.2.1 Góp phần quảng bá văn hóa của người Khmer Nam Bộ đến du khách trong và ngoài nước

Âm nhạc KNB, với các loại hình như nhạc Ngũ âm, sân khấu Dù kê, và múa Rô băm, đã trở thành phương tiện hiệu quả để giới thiệu văn hóa KNB đến du khách. Các lễ hội truyền thống như Oóc Om Bóc tại Sóc Trăng và Chôl Chnăm Thmây tại Trà Vinh và An Giang đã tạo nên những không gian văn hóa sống động, nơi âm nhạc KNB được trình diễn trong bối cảnh tự nhiên. Theo (4), lễ hội Oóc Om Bóc năm 2023 tại Sóc Trăng thu hút khoảng 50.000 du khách, trong đó 20 phần trăm là khách quốc

tế, ước tính đóng góp khoảng 10 tỷ đồng cho kinh tế địa phương, nhờ các tiết mục nhạc Ngũ âm và đua ghe Ngo, thể hiện sức hút của âm nhạc KNB. Các buổi biểu diễn tại chùa Dơi (Sóc Trăng) và chùa Ấng (Trà Vinh) cũng góp phần đưa hình ảnh văn hóa KNB ra thị trường quốc tế, với thang âm ngũ cung độc đáo và nhạc cụ như Roneat, T'rô tạo ấn tượng mạnh mẽ về bản sắc dân tộc (7). Những hoạt động này không chỉ quảng bá di sản mà còn khơi dậy sự trân trọng đối với văn hóa KNB trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

3.2.2 Thu hút du khách yêu thích trải nghiệm văn hóa bản địa

Âm nhạc KNB, với âm hưởng huyền bí và các tiết mục biểu diễn giàu ý nghĩa, đã trở thành yếu tố then chốt thu hút du khách tìm kiếm trải nghiệm văn hóa sâu sắc. Các tour du lịch kết hợp tham quan chùa KNB và thưởng thức hát Dù kê, múa Lâm thon, hoặc nhạc lễ đã tạo nên sự khác biệt so với các sản phẩm du lịch thông thường. Theo (12) các chương trình biểu diễn nghệ thuật KNB tại Sóc Trăng trong các sự kiện du lịch năm 2023 đã thu hút hàng ngàn du khách, đặc biệt là những người muốn khám phá văn hóa bản địa. Tại An Giang, Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào dân tộc KNB năm 2025 ghi nhận sự tham gia của khoảng 5.000 du khách, với các tiết mục âm nhạc và múa KNB là điểm nhấn, mang lại trải nghiệm độc đáo về văn hóa và tín ngưỡng (10).

3.2.3 Tạo cơ hội sinh kế và nâng cao vai trò cộng đồng

Việc tích hợp âm nhạc KNB vào du lịch biểu diễn đã mở ra nhiều cơ hội cho nghệ nhân và cộng đồng địa phương tham gia vào chuỗi giá trị du lịch. Các đoàn nghệ thuật như Đoàn Nghệ thuật Khmer tỉnh Sóc Trăng và Câu lạc bộ Nhạc trống lớn ở Cà Mau không chỉ biểu diễn mà còn tham gia truyền dạy âm nhạc truyền thống cho thế hệ trẻ, góp phần bảo tồn di sản (1). Những hoạt động này mang lại thu nhập ổn định cho nghệ nhân, đồng thời khuyến khích cộng đồng KNB tự hào về văn hóa của mình. Theo (9), tại các phum sóc ở An Giang, các dự án du lịch cộng đồng kết hợp biểu diễn âm nhạc KNB đã giúp tăng thu nhập cho khoảng 100 hộ gia đình, với mức tăng trung bình 15 phần trăm trong năm 2023. Những nỗ lực này không chỉ hỗ trợ sinh kế mà còn củng cố vai trò của cộng đồng KNB như những người lưu giữ và lan tỏa di sản văn hóa, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của du lịch văn hóa tại ĐBSCL.

3.3 Hạn chế - Thách thức

3.3.1 Thiếu sân khấu, hạ tầng du lịch phù hợp

Một trong những rào cản lớn là sự thiếu hụt sân khấu và cơ sở hạ tầng du lịch phù hợp để tổ chức các buổi biểu diễn âm nhạc KNB. Theo (6), nhiều buổi trình diễn tại

các lễ hội hoặc điểm du lịch vẫn mang tính tạm thời, thiếu không gian chuyên nghiệp với ánh sáng, âm thanh, và sân khấu đạt chuẩn, làm giảm chất lượng trải nghiệm của du khách. Các địa phương như Sóc Trăng và Trà Vinh tuy có các chùa KNB là điểm đến văn hóa, nhưng hạ tầng phục vụ du lịch biểu diễn còn hạn chế, khiến việc tổ chức các chương trình quy mô lớn gặp khó khăn. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch mà còn hạn chế khả năng thu hút du khách quốc tế, vốn đòi hỏi các tiêu chuẩn cao hơn về cơ sở vật chất.

3.3.2 Thiếu đầu tư bài bản và truyền thông

Việc khai thác âm nhạc KNB trong du lịch biểu diễn chưa nhận được sự đầu tư bài bản và chiến lược truyền thông hiệu quả. Theo (3), nhiều chương trình biểu diễn tại ĐBSCL vẫn mang tính tự phát, thiếu sự phối hợp giữa các địa phương và các bên liên quan như doanh nghiệp du lịch, cơ quan văn hóa, và cộng đồng. Công tác quảng bá còn yếu, chủ yếu tập trung vào các kênh truyền thông địa phương, chưa tận dụng được các nền tảng số và quốc tế để tiếp cận du khách toàn cầu. Ngoài ra, sự thiếu hụt nguồn lực tài chính đã hạn chế việc nâng cấp các chương trình biểu diễn, đào tạo nghệ nhân, và phát triển các sản phẩm du lịch mới, khiến tiềm năng của âm nhạc KNB chưa được khai thác tối đa.

3.3.3 Khó khăn trong truyền dạy, thiếu người kế thừa

Việc bảo tồn và truyền dạy âm nhạc truyền thống KNB đang đối mặt với thách thức lớn do sự thiếu hụt người kế thừa. Theo (5), số lượng nghệ nhân lành nghề, đặc biệt là những người thông thạo nhạc Ngũ âm và sân khấu Dù kê, đang giảm dần, trong khi thế hệ trẻ KNB ít quan tâm đến việc học và thực hành các loại hình nghệ thuật truyền thống. Các lớp truyền dạy tại chùa KNB hay các câu lạc bộ văn nghệ tuy đã được tổ chức, nhưng quy mô còn nhỏ và thiếu sự hỗ trợ dài hạn. (1) nhấn mạnh rằng nếu không có các chính sách khuyến khích và đầu tư vào đào tạo, nguy cơ mai một của âm nhạc KNB sẽ ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và sự phát triển của các sản phẩm du lịch biểu diễn.

3.3.4 Rào cản ngôn ngữ, định kiến, sự mai một của người trẻ KNB

Rào cản ngôn ngữ và định kiến cũng là một thách thức đáng kể trong việc khai thác âm nhạc KNB cho du lịch biểu diễn. Nhiều tiết mục âm nhạc KNB, đặc biệt là hát Dù kê, sử dụng tiếng KNB, gây khó khăn cho du khách không thông thạo ngôn ngữ này trong việc hiểu nội dung và ý nghĩa văn hóa (8). Ngoài ra, một số định kiến về tính “lạc hậu” của nghệ thuật truyền thống trong một bộ phận người trẻ KNB đã làm giảm sự hấp dẫn của âm nhạc KNB đối với thế hệ mới. Sự mai một trong nhận thức văn hóa của người trẻ, cùng với sự lấn át của các

hình thức giải trí hiện đại, khiến việc thu hút khán giả trẻ và duy trì sự quan tâm đến âm nhạc truyền thống trở nên khó khăn hơn (3).

4. Giải pháp phát huy giá trị văn hóa âm nhạc Khmer Nam Bộ trong phát triển du lịch biểu diễn

Để khai thác hiệu quả âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ trong phát triển du lịch biểu diễn tại ĐBSCL, cần tập trung vào các giải pháp cụ thể, khả thi, đặt cộng đồng KNB làm trung tâm sáng tạo và thụ hưởng, đồng thời đảm bảo sự bền vững trong bảo tồn di sản và phát triển kinh tế. Các giải pháp dưới đây được xây dựng dựa trên thực trạng và tiềm năng của âm nhạc KNB, với lộ trình rõ ràng, đối tượng thực hiện cụ thể và điều kiện triển khai phù hợp.

4.1 Bảo tồn và phục vụ dựng nghệ thuật Khmer Nam Bộ

Bảo tồn âm nhạc Khmer là nền tảng để phát triển du lịch biểu diễn bền vững. Cần tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ tại các chùa KNB và trung tâm văn hóa ở Sóc Trăng, Trà Vinh, và An Giang, do các nghệ nhân kỳ cựu giảng dạy như Thạch Suối (nhạc Ngũ âm), Kim Hương (sân khấu Dù kê), Thạch Sà Rích (múa Rô băm), Chau Sa Rươi (biểu diễn tổng hợp), tập trung vào nhạc Ngũ âm, sân khấu Dù kê, và múa Rô băm. Ví dụ, tại chùa Dơi (Sóc Trăng), các lớp học cuối tuần dành cho học viên từ 8 tuổi đến 20 tuổi có thể được hỗ trợ kinh phí từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, với mục tiêu đào tạo 100 học viên mỗi tỉnh trong giai đoạn 2026-2028.

Song song đó, việc số hóa di sản âm nhạc KNB là cần thiết để lưu trữ và phổ biến. Các dự án ghi âm, ghi hình các buổi biểu diễn nhạc Ngũ âm, Dù kê, và nhạc lễ cần được thực hiện, với sự phối hợp giữa các nghệ nhân và các trường đại học như Đại học Trà Vinh. Nội dung số hóa nên được đăng tải trên các nền tảng như YouTube và Spotify, nhằm đến 50.000 lượt xem trong năm 2026, nhằm tăng cường nhận thức về giá trị âm nhạc KNB.

4.2 Phát triển sản phẩm du lịch biểu diễn đặc thù

Để tạo dấu ấn riêng, cần xây dựng các sản phẩm du lịch biểu diễn độc đáo, kết hợp âm nhạc KNB với các yếu tố văn hóa khác. Chương trình “Đêm văn hóa Khmer” nên được tổ chức hàng tháng tại các điểm đến nổi bật như chùa Dơi (Sóc Trăng), chùa Áng (Trà Vinh), hoặc khu vực Bảy Núi (An Giang). Các buổi biểu diễn sẽ bao gồm sân khấu Dù kê, múa Rô băm, Lâm thon, kết hợp với trải nghiệm ẩm thực KNB và trò chơi dân gian như kéo co. Giá vé dự kiến từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, với mục tiêu thu hút 1.000 du khách mỗi tháng, tạo nguồn thu ổn định cho nghệ nhân và cộng đồng.

Ngoài ra, các tour du lịch kết hợp tham quan chùa KNB và biểu diễn nghệ thuật cần được thiết kế chuyên nghiệp hơn. Như, tại Trà Vinh, tour “Hành trình âm nhạc Khmer” có thể đưa du khách đến chùa Ăng, tham gia chương trình ngắn về nhạc cụ Roneat, và thưởng thức hát Dù kê vào buổi tối. Các tour này cần được quảng bá qua các công ty lữ hành và nền tảng du lịch trực tuyến như Klook, với mục tiêu phục vụ 5.000 du khách quốc tế trong năm 2026.

4.3 Gắn nghệ thuật với sinh kế cộng đồng

Việc tích hợp âm nhạc KNB vào chuỗi giá trị du lịch không chỉ bảo tồn di sản mà còn tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng. Tại các phum sóc ở Sóc Trăng và Trà Vinh, cần hỗ trợ 50 hộ dân tham gia sản xuất nhạc cụ truyền thống như Roneat, T'rô, hoặc Skor để bán cho du khách, với vốn vay ưu đãi từ ngân hàng địa phương. Dự kiến, mỗi hộ có thể tăng thu nhập thêm 10.000.000 đồng/năm từ hoạt động này. Ngoài ra, người dân có thể tham gia làm hướng dẫn viên văn hóa hoặc biểu diễn tại các sự kiện du lịch, với các khóa đào tạo ngắn hạn do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, nhắm đến 200 người tham gia trong giai đoạn 2026-2027.

Mô hình du lịch cộng đồng tại An Giang, như ở vùng Bảy Núi, có thể được nhân rộng, khuyến khích người dân tham gia sản xuất đồ lưu niệm mang yếu tố âm nhạc KNB, chẳng hạn như mô hình nhạc cụ mini hoặc tranh vẽ về lễ hội Óc Om Bóc. Các mô hình này cần được hỗ trợ bởi các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp du lịch để đảm bảo chất lượng và thị trường tiêu thụ.

4.4 Tăng cường truyền thông và giáo dục công chúng
Công tác truyền thông cần tận dụng các nền tảng hiện đại để quảng bá âm nhạc KNB. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh ĐBSCL nên phối hợp với các nghệ nhân để xây dựng kênh YouTube và TikTok chuyên về âm nhạc KNB, đăng tải các video biểu diễn ngắn và hậu trường, nhắm đến 100.000 lượt xem trong năm 2026. Đồng thời, các chiến dịch quảng bá trên các nền tảng du lịch quốc tế như TripAdvisor cần nhấn mạnh tính độc đáo của âm nhạc KNB, ví dụ như “Khám phá thang âm ngũ cung huyền bí tại lễ hội Óc Om Bóc”.

Về giáo dục, cần lồng ghép nội dung về âm nhạc KNB vào chương trình học tại các trường phổ thông ở ĐBSCL, đặc biệt tại các tỉnh có đông người KNB. Các hoạt động ngoại khóa, như tham quan phum sóc hoặc chương trình biểu diễn nhạc cụ, có thể khơi dậy sự quan

tâm của học sinh. Chương trình “Khám phá âm nhạc Khmer” tại trường THPT dân tộc nội trú ở Sóc Trăng có thể thu hút 500 học sinh tham gia mỗi năm, giúp nuôi dưỡng lòng tự hào văn hóa.

4.5 Hoàn thiện chính sách và tăng cường liên kết vùng

Cần xây dựng các chính sách hỗ trợ cụ thể từ Nhà nước, bao gồm quỹ đầu tư cho bảo tồn âm nhạc KNB và phát triển du lịch. Đề xuất thành lập Hiệp hội Du lịch Văn hóa Khmer ĐBSCL, do các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, và An Giang dẫn đầu, với ngân sách 5 tỷ đồng từ nguồn nhà nước và tư nhân trong giai đoạn 2026-2030. Hiệp hội này sẽ phối hợp xây dựng các tuyến du lịch liên tỉnh, như “Hành trình di sản Khmer” từ Sóc Trăng qua Trà Vinh đến An Giang, kết nối các điểm biểu diễn âm nhạc, chùa KNB, và lễ hội.

Ngoài ra, cần có chính sách ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp du lịch đầu tư vào sản phẩm biểu diễn KNB và hỗ trợ học bổng cho các nghệ nhân trẻ theo học tại các trường nghệ thuật hoặc các trường dân tộc nội trú. Các chính sách này sẽ tạo động lực để duy trì và phát triển âm nhạc KNB, đồng thời tăng cường sự liên kết giữa các địa phương để tạo nên một chuỗi giá trị du lịch văn hóa bền vững.

5. Kết luận

Âm nhạc truyền thống Khmer Nam Bộ không chỉ là di sản văn hóa đặc sắc, giàu giá trị thẩm mỹ và bản sắc dân tộc, mà còn là nguồn lực tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch biểu diễn mang tính trải nghiệm và bản địa cao tại ĐBSCL. Việc bảo tồn và khai thác hiệu quả loại hình nghệ thuật này cần đặt cộng đồng người KNB vào vị trí trung tâm – vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là người thụ hưởng và lan tỏa giá trị di sản. Trong thời gian tới, cần có thêm các nghiên cứu chuyên sâu về hành vi du khách, mô hình du lịch văn hóa cộng đồng, cũng như xây dựng chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghệ thuật Khmer gắn với sinh kế và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Lời cảm ơn: Tôi xin chân thành cảm ơn phòng Khoa học công nghệ đã hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nghiên cứu này. Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn các đồng nghiệp tại khoa Du lịch đã đóng góp ý kiến chuyên môn và hỗ trợ trong quá trình thu thập, phân tích dữ liệu. Mọi sai sót (nếu có) hoàn toàn thuộc về tác giả.

Tài liệu tham khảo

1. Hữu Thọ. (2023). Bảo tồn âm nhạc Khmer truyền thống trong dòng chảy hiện đại. *Báo Bạc Liêu*. Truy cập ngày 16/04/2025, từ <https://www.baobaclieu.vn/van-hoa-nghe-thuat/bao-ton-am-nhac-khmer-truyen-thong-trong-dong-chay-hien-dai-86821.html>

2. Lê Tiến Thọ. (2014). Bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ: di sản văn hóa dân tộc. *Dân tộc và Miền núi*. Truy cập ngày 16/04/2025, từ <https://dantocmiennui.vn/bao-ton-va-phat-huy-nghe-thuat-san-khau-du-ke-cua-dong-bao-khmer-nam-bo-post296825.html>
3. Ngọc Phương. (2023). Dù kê - nghệ thuật sân khấu đặc sắc của đồng bào Khmer. *Đại biểu Nhân dân*. Truy cập ngày 16/04/2025, từ <https://daibieunhandan.vn/du-ke-nghe-thuat-san-khau-dac-sac-cua-dong-bao-khmer-post337959.html>
4. Nguyễn Trọng Nhân. (2022). Khai thác lễ hội dân gian vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển du lịch. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 5, 114–124.
5. Phạm Thị Anh Thư. (2019). Làm gì để bảo tồn nền văn hóa âm nhạc dân tộc Khmer. *Cổng thông tin Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*. Truy cập ngày 16/04/2025, từ <https://bvhttdl.gov.vn/lam-gi-de-bao-ton-nen-van-hoa-am-nhac-dan-toc-khmer-20191025073453656.htm>
6. Phạm Tiết Khánh. (2019). Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 420, 45–52.
7. Phạm Tiết Khánh. (2020). Giữ hồn văn hóa âm nhạc Khmer. In *Kỷ yếu Khoa học cấp quốc gia: Ngôn ngữ và sự phát triển bền vững văn hóa dân tộc thiểu số ở Vùng Nam Bộ* (pp. 36–56). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
8. Phan Thị Thu Hiền, & Nguyễn Thị Hiền. (2019). Bảo tồn, phát huy nghệ thuật sân khấu dân gian gắn với du lịch (từ kịch múa mặt nạ Hahoe Hàn Quốc đến những gợi ý cho Dù kê của miền Tây Nam Bộ). *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, 35, (pp. 23-30). <https://doi.org/10.35382/18594816.1.35.2019.198>
9. Phương Minh. (2022). Khai thác các giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch cộng đồng của người Khmer ở An Giang. *Tổng cục Du lịch Việt Nam*. Truy cập ngày 16/04/2025, từ <https://vietnamtourism.gov.vn/post/45530>
10. Thạch Pích. (2025). Sóc Trăng: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào Khmer. *Tổng cục Du lịch Việt Nam*. Truy cập ngày 17/04/2025, từ <https://vietnamtourism.gov.vn/post/60793>
11. Trầm Thanh Tuấn. (2021). Nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ: công trình nghiên cứu tâm huyết của nhà nghiên cứu Sang Sét. *Báo Trà Vinh*. Truy cập ngày 16/04/2025, từ <https://www.baotravinh.vn/van-hoa-the-thao/nghe-thuat-san-khau-du-ke-khmer-nam-bo-cong-trinh-nghien-cuu-tam-huyet-cua-nha-nghien-cuu-sang-set-7813.html>
12. Tuấn Phi. (2024). Sóc Trăng phát triển sản phẩm du lịch từ văn hóa Khmer. *Báo Dân tộc và Phát triển*. Truy cập ngày 17/04/2025, từ <https://dantocmiennui.vn/soc-trang-phat-trien-san-pham-du-lich-tu-van-hoa-khmer-post356690.html>
13. Tổng cục thống kê (2019). Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

Exploiting the cultural and artistic values of Khmer music in the South in developing performance tourism products in the Mekong Delta

Do Thi Huong

Faculty of Tourism, Nguyen Tat Thanh University

Email: huongdt@ntt.edu.vn

Abstract Traditional Southern Khmer music is a vital component of the cultural identity of the Southern Khmer people and a valuable resource for developing performing tourism in the Mekong Delta. This study evaluates the potential and current state of utilizing Southern Khmer music through models such as the Oóc Om Bóc festival, temple tours combined with Dù kê performances, and activities of art troupes. The findings indicate that music significantly contributes to promoting culture, attracting tourists, and generating livelihoods for the community. However, it faces challenges such as inadequate infrastructure, limited communication, and the risk of cultural erosion due to a lack of successors. Accordingly, the study proposes solutions including heritage preservation, development of distinctive performing products linked to community livelihoods, enhanced communication, and improved supportive policies. These strategies aim to safeguard the unique music of the Khmer community in Vietnam while promoting sustainable cultural tourism and preserving cultural values in the context of integration.

Keywords Khmer traditional music, performance-based tourism, intangible cultural heritage, mekong delta, cultural preservation

